

## NGŨ LIỆU DẠY HỌC TRONG SÁCH GIÁO KHOA MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI VÀ TÀI LIỆU MACMILLAN NATURAL AND SOCIAL SCIENCE 1, 2, 3<sup>1</sup>

PHẠM PHƯƠNG ANH\*

### TÓM TẮT

*Bài báo tìm hiểu ngữ liệu trong sách giáo khoa Tự nhiên và Xã hội (TN&XH) 1, 2, 3 và tài liệu Macmillan Natural and Social Science book (MS) 1, 2, 3 để thấy được sự khác biệt giữa hai tài liệu này về mặt ngữ liệu, ý nghĩa và vai trò của ngữ liệu trong việc dạy học Tự nhiên & Xã hội; qua đó, nêu lên một số lưu ý trong việc xây dựng, biên soạn và sử dụng ngữ liệu dạy học TN&XH ở tiểu học.*

**Từ khóa:** Sách giáo khoa Tự nhiên và Xã hội, tài liệu Macmillan Natural and Social Science, ngữ liệu.

### ABSTRACT

#### *Texts in Natural & Social Science textbooks and Macmillan Natural & Social Science Books 1, 2, 3*

*This article examines texts in Natural & Social Science Textbooks (TN&XH) 1, 2, 3 and Macmillan Natural and Social Books (MS) 1, 2, 3 to identify the differences between TN&XH textbooks and MS books in terms of texts, the purpose and role of texts in teaching and learning the subject Natural and Social Science. This investigation aims at presenting some recommendations in preparing, editing and using texts in teaching and learning the subject Natural and Social Science in primary schools.*

**Keywords:** Natural and Social Science Textbook, Macmillan Natural and Social Science book, text.

### 1. Đặt vấn đề

Trong tài liệu dạy học, ngữ liệu thường đảm nhận một, hai hoặc ba nhiệm vụ cùng lúc tùy theo mục tiêu, nội dung dạy học: *một đối tượng ngôn ngữ đơn thuần* để học sinh (HS) và giáo viên (GV) thao tác trong quá trình học ngôn ngữ, văn chương với việc chú trọng khai thác các yếu tố cơ bản như cấu trúc ngữ pháp, từ vựng, ngôn từ, biện pháp tu từ... mà ngữ liệu đó có thể đáp ứng; *một phương tiện* cho việc truyền tải thông tin đến người đọc với việc chú trọng khai thác

khả năng đọc hiểu, phân tích, tổng hợp, dự đoán thông tin của người đọc; *một đối tượng làm bàn đạp* cho sự tưởng tượng, sáng tạo, phát triển tư duy phản biện và suy nghĩ độc lập ở HS. Với tầm quan trọng như thế, việc lựa chọn ngữ liệu để sử dụng trong dạy học nói chung và dạy học Tự nhiên & Xã hội (TN&XH) nói riêng không hề đơn giản. Nó đòi hỏi nhà giáo dục khả năng nắm vững chương trình, mục tiêu bài học, trình độ của HS, kĩ năng ngôn ngữ, khả năng văn chương... để xem xét, phân tích và lựa

\* ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: [phuonganh.tieuhoc@gmail.com](mailto:phuonganh.tieuhoc@gmail.com)

chọn, biên soạn các ngữ liệu phù hợp cả về nội dung lẫn hình thức (ngữ liệu thông tin (Informational texts), ngữ liệu văn chương (Literary texts)).

Xem xét ngữ liệu dạy học TN&XH hiện nay, có thể thấy rằng ngữ liệu dạy học môn học này hầu hết chỉ là ngữ liệu thông tin thuần túy mà thiếu hẳn mảng ngữ liệu văn chương. Điều này phần nào gây khó khăn cho việc dạy học tích hợp TN&XH và Tiếng Việt, làm bài học TN&XH trở nên khô khan, thiếu đi sự mềm mại, nhẹ nhàng trên cơ sở vẫn đảm bảo tính chính xác và rõ ràng. Mặt khác, ngữ liệu thông tin ở SGK môn TN&XH cũng chưa thật sự hiệu quả trong nhiệm vụ dẫn dắt HS tiếp cận thông tin để khám phá tri thức. Không giống như thế, khi xem xét ngữ liệu dạy học TN&XH trong tài liệu Macmillan Natural and Social Science (MS), chúng tôi nhận thấy có một số điểm khác biệt rõ nét.

Trong khuôn khổ của bài báo, chúng tôi tiến hành tìm hiểu, phân tích và so sánh ngữ liệu trong sách giáo khoa môn TN&XH 1, 2, 3 bậc tiểu học và trong tài liệu Macmillan Natural and Social Science 1, 2, 3 (MS)<sup>2</sup> như một trường hợp điển hình để có thể thấy được những điểm tương đồng và khác biệt của hai bộ sách ở khía cạnh này nhằm góp một cái nhìn thực tế cho việc xây dựng, lựa chọn, biên soạn và sử dụng ngữ liệu trong dạy học TN&XH, đáp ứng định hướng đổi mới chương trình và SGK sau năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 2. Một vài nét chính về ngữ liệu

Theo (Göpferich, 2006) và (Wades and Moje, 2000), ngữ liệu là một hệ thống tổ chức thống nhất về ngôn ngữ, hoàn chỉnh về nội dung, có chức năng định hướng, do con người tạo ra nhằm sử dụng cho một mục đích xác định. Hay nói cách khác, ngữ liệu là một hình thức giao tiếp bằng lời, bằng văn bản, bằng hệ thống đồ họa để chuyển tải ý nghĩa đến người xem. Và dù tồn tại dưới hình thức nào, ngữ liệu có thể được chia làm hai loại: ① **Ngữ liệu thông tin** được viết với mục đích truyền đạt thông tin về thế giới tự nhiên, xã hội; bao gồm hai dạng chính tùy theo cấu trúc: *cấu trúc tự sự* gồm *tiểu sử, tự truyện, hồi kí*; *cấu trúc mô tả* gồm *mục lục, danh mục chú giải từ vựng, sơ đồ, bảng biểu và văn bản ...* ② **Ngữ liệu văn chương** chủ yếu thực hiện chức năng thẩm mỹ, được viết nhằm mục đích kể chuyện hoặc giải trí nhưng bên cạnh đó, cũng chứa đựng những thông điệp về mặt chính trị và niềm tin tôn giáo; bao gồm ba thể loại: *truyện (cổ tích, ngụ ngôn, thần thoại, tiểu thuyết lịch sử, khoa học viễn tưởng)*, *thơ (bài hát ru, thơ)*, *kịch (hài kịch, bi kịch, kịch xưa)*. [3], [5], [9]

## 3. Sự đa dạng của ngữ liệu thông tin trong SGK TN&XH và tài liệu MS 1, 2, 3

Ngữ liệu thông tin trong SGK TN&XH và tài liệu MS bao gồm nhiều loại, thực hiện nhiệm vụ cung cấp và kiểm tra khả năng nắm bắt thông tin ở HS.

**Bảng 1.** Hình thức của ngữ liệu thông tin trong SGK TN&XH và tài liệu MS 1, 2, 3

Ngữ liệu thông tin \ Tài liệu		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3	
		SGK TN&XH	MS	SGK TN&XH	MS	SGK TN&XH	MS
Cấu trúc tự sự	Tiểu sử	0	0	0	0	0	0
	Tự truyện	0	0	0	0	0	0
	Hồi kí	0	0	0	0	0	0
Cấu trúc mô tả	Mục lục	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Danh mục chú giải từ vựng	0	✓	0	✓	0	✓
	Sơ đồ	0	0	0	0	0	✓
	Bảng biểu	0	✓	0	✓	✓	✓
	Văn bản	✓	✓	✓	✓	✓	✓

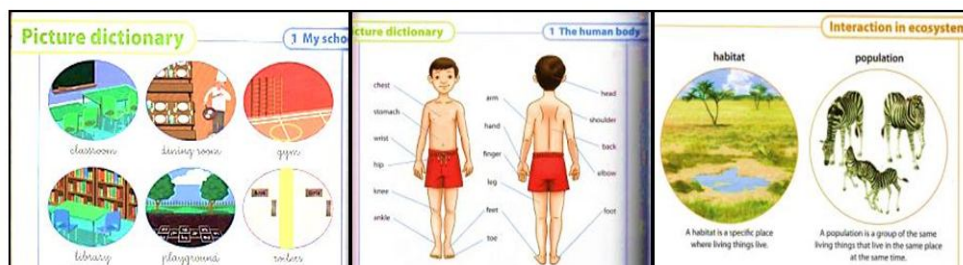
Tiến hành thống kê, chúng tôi nhận thấy cả hai tài liệu đều không sử dụng ngữ liệu thông tin theo cấu trúc tự sự. Ở dạng ngữ liệu thông tin theo cấu trúc mô tả, trong khi SGK TN&XH 1, 2, 3 chỉ sử dụng hình thức mục lục và văn bản thì tài liệu MS 1, 2, 3 lại sử dụng tất cả các hình thức (xem Bảng 1).

① **Mục lục:** Cả hai tài liệu đều có mục lục để GV, HS và PH theo dõi thứ tự các bài học. Tuy nhiên, nếu SGK TN&XH chỉ có một mục lục nằm ở cuối sách, trình bày theo hướng nêu số thứ tự bài học, tên bài học và số trang tương ứng thì tài liệu MS lại có hai mục lục: một mục lục tương tự như SGK TN&XH và một mục lục triển khai cụ thể nội dung học tập (hai trang mở liền kề nhau, nằm ở trang số 2 - 3). Đặc biệt, mục lục thứ hai phân chia thành 3 cột: tên bài học, các nội dung của bài học và nội dung điều tra, thí nghiệm trong bài học. Điều này vừa giúp HS dễ dàng hệ thống bài học vừa nhấn mạnh quan điểm đặt mục tiêu rèn kĩ năng điều tra, thí nghiệm khoa học cho HS là một trong những mục tiêu trọng tâm (xem Hình 1).

<p><b>CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE</b></p> <p>Bài 1. Hoạt động thở và cơ quan hô hấp 4</p> <p>Bài 2. Nền thở như thế nào? 6</p> <p>Bài 3. Vệ sinh hô hấp 8</p> <p>Bài 4. Phòng bệnh đường hô hấp 10</p> <p>Bài 5. Bệnh lao phổi 12</p> <p>Bài 6. Máu và cơ quan tuần hoàn 14</p> <p>Bài 7. Hoạt động tuần hoàn 16</p> <p>Bài 8. Vệ sinh cơ quan tuần hoàn 18</p> <p>Bài 9. Phòng bệnh tim mạch 20</p> <p>Bài 10. Hoạt động bài tiết nước tiểu 22</p> <p>Bài 11. Vệ sinh cơ quan bài tiết nước tiểu 24</p> <p>Bài 12. Cơ quan thần kinh 26</p> <p>Bài 13. Hoạt động thần kinh 28</p> <p>Bài 14. Hoạt động thần kinh (tiếp theo) 30</p>	<p>Welcome to the Science Club page 4</p> <p><b>Unit 1</b> Living things page 6</p> <p><b>Unit 2</b> The senses page 16</p> <p><b>Unit 3</b> We can move page 28</p> <p><b>Unit 4</b> Animals page 40</p> <p>Review page 52</p> <p><b>Unit 5</b> Plants page 54</p> <p><b>Unit 6</b> Habitats page 66</p> <p><b>Unit 7</b> Water and air on Earth page 78</p> <p><b>Unit 8</b> Landscapes page 90</p> <p>Review page 102</p> <p><b>Unit 9</b> The top layer of Earth page 104</p> <p><b>Unit 10</b> Transport and communication page 114</p> <p><b>Unit 11</b> Work page 126</p> <p><b>Unit 12</b> Where we live page 138</p> <p>Review page 148</p> <p>Picture dictionary page 150</p>	<p><b>Content</b></p> <p><b>Welcome to the Science Club</b></p> <p><b>Unit 1</b> Living things</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Identifying living things</li> <li>Life processes of living things</li> <li>Life processes: People</li> <li>Life processes: Animals</li> <li>Reading: The rock pool</li> <li>Writing: Living and non-living things near me</li> <li>How do plants interact?</li> </ul> <p><b>Unit 2</b> The senses</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>How we use our senses</li> <li>We can see</li> <li>We can hear</li> <li>We can smell</li> <li>We can taste</li> <li>We can touch</li> <li>The nervous system</li> <li>Reading: A visit to the optician's</li> <li>Writing: How Laura my senses</li> <li>How does the eye work?</li> </ul> <p><b>Unit 3</b> We can move</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>How we move our body</li> <li>Bones: The skeleton</li> <li>Bones: Different types of bones</li> <li>What bones are made of</li> <li>Joints</li> <li>Muscles</li> <li>The muscles in our body</li> <li>Reading: The FE, cast</li> <li>Writing: What my body needs</li> <li>What happens if our bones don't have enough calcium?</li> </ul>
--	---	---

**Hình 1.** Mục lục trong SGK TN&XH 1, 2, 3 và tài liệu MS 1, 2, 3

② **Danh mục chú giải từ vựng:** Dạng này chỉ có ở tài liệu MS dưới hình thức từ điển hình ảnh theo đơn vị bài học. Có thể nói, đây là một điểm nổi trội của tài liệu MS so với SGK TN&XH trong việc giúp HS nắm nghĩa từ, bổ sung vốn từ vựng khoa học (xem Hình 2).



Hình 2. Danh mục chú giải từ vựng trong tài liệu MS 1, 2, 3

③ **Sơ đồ:** Sơ đồ không xuất hiện trong SGK TN&XH và tài liệu MS 1, 2, chỉ có ở MS3 trong mục “Learning to learn” với số lượng từ 1 đến 3 tùy bài học<sup>3</sup>. Đáp ứng đặc điểm tư duy trực quan hình ảnh của HS lớp 3, hầu hết sơ đồ mạng trong MS3 đều có hình ảnh minh họa giúp HS phát triển trí nhớ hình ảnh, mở rộng vốn từ. Đặc biệt, MS3 chú ý xây dựng các sơ đồ mạng còn khuyết và chính HS là người hoàn thiện các sơ đồ này. Dạng hoạt động này giúp HS làm quen với việc “đọc sơ đồ”, phát triển kỹ năng hệ thống hóa thông tin; kỹ năng đọc hiểu, kỹ năng lập dàn ý.

④ **Bảng biểu** chỉ xuất hiện ở SGK TN&XH 3, không có ở SGK TN&XH 1, 2. Trong khi đó, ở tài liệu MS, bảng biểu xuất hiện ở cả 3 khối lớp 1, 2, 3. Đặc biệt, xem xét số lần sử dụng và hình thức thể hiện của bảng biểu, có thể thấy giữa hai tài liệu có sự khác biệt khá rõ nét (xem Bảng 2).

Bảng 2. Các dạng bảng biểu trong SGK TN&XH 1, 2, 3 và tài liệu MS 1, 2, 3

Hình thức thể hiện	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3	
	MS	TN&XH	MS	TN&XH	MS	TN&XH
BB trình bày đặc điểm của một/nhiều đối tượng	1	0	9	0	6	2
BB trình bày sự phân loại các đối tượng thành các nhóm cụ thể	2	0	13	0	19	0
BB trình bày sự lựa chọn (đúng/sai) đối với các đặc điểm (thuộc về/không thuộc về) đối tượng	2	0	4	0	2	0
<b>TỔNG</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>26</b>	<b>0</b>	<b>27</b>	<b>2</b>

Số liệu ở bảng 2 cho thấy số lần bảng biểu xuất hiện trong tài liệu MS 1, 2, 3 nhiều hơn hẳn so với SGK TN&XH 1, 2, 3. Đặc biệt, 2 bảng biểu trong SGK TN&XH3 (tr.35, 66) đều trình bày đặc điểm của nhiều đối tượng. Trong khi đó, ở tài liệu MS, bảng biểu xuất hiện ngay từ lớp 1 và số lượng tăng dần theo lớp, đảm bảo tính vừa sức đối với HS. Ngoài ra, kết quả cũng cho thấy số bảng biểu trình bày sự phân loại các đối tượng thành các nhóm cụ thể nhiều hơn hẳn hai dạng còn lại. Đây là ý tưởng hay của nhà biên soạn bởi vì để hoàn thành dạng bảng này, HS vừa phải biết đặc điểm của nhóm mà đối tượng thuộc về, vừa phải biết vận dụng kiến thức về đặc điểm của nhóm đối tượng vào trường hợp cụ thể. Với bảng biểu, tài liệu MS góp phần phát triển kỹ năng đọc bảng biểu; kỹ năng tổng hợp thông tin cho HS.

© **Văn bản** trong SGK TN&XH 1, 2, 3 tồn tại ở ba hình thức: câu lệnh, câu hỏi, thông tin ghi nhớ. Tuy nhiên, ở lớp 1, do khả năng đọc, viết còn hạn chế, HS chỉ được làm quen với câu lệnh và câu hỏi. Đến lớp 2, thông tin ghi nhớ bắt đầu xuất hiện ở *bài 6, bài 31, bài 33*. Lên lớp 3, ở mỗi bài học, HS được tiếp xúc với cả ba hình thức nêu trên. Đặc biệt, thông tin ghi nhớ vừa xuất hiện dưới dạng các gạch đầu dòng trình bày tóm tắt bài học

ở mục “Bạn cần biết” vừa được thể hiện thông qua cuộc đối thoại giữa các nhân vật. Cách này giúp cho việc cung cấp thông tin trở nên mềm mại. HS dễ dàng hơn khi đọc các thông tin mà SGK cung cấp.

Khác với SGK TN&XH, hình thức thông tin ghi nhớ xuất hiện ngay từ lớp 1 đối với tài liệu MS. Ở lớp 1, 2, trong mỗi bài học, thông tin ghi nhớ được thể hiện bằng 1 câu/1 đoạn văn ngắn nằm ở cuối mỗi trang<sup>4</sup>, ở mục “*Let’s investigation*” và ở mục “*Let’s remember*”. Nhìn chung, đây là các thông tin tổng hợp nội dung sau khi HS thực hiện các hoạt động học tập. Không giống như thế, thông tin ghi nhớ trong MS3 xuất hiện xuyên suốt trong từng phần nội dung chính của bài học và là phương tiện để HS có thể thực hiện các hoạt động học tập đi kèm. Điều này có nghĩa là quy trình giúp HS tiếp cận tri thức khoa học có sự khác nhau giữa tài liệu MS1, MS2 và MS3: Ở MS1, MS2, HS quan sát, trả lời câu hỏi dựa vào kinh nghiệm bản thân trước; sau đó, các em được tiếp cận thông tin ghi nhớ hệ thống nội dung học tập. Trong khi đó, tài liệu MS3 được biên soạn theo hướng HS đọc thông tin ghi nhớ trước rồi mới trả lời câu hỏi hoặc thực hiện các hoạt động thực hành.

At school we do a lot of things.  
We read, write, draw, sing,  
think and speak English!

Some invertebrates, like worms, have a soft body and often hide under rocks for protection. Other invertebrates, like snails and mussels, have a shell to protect their body.  
Many invertebrates have an exoskeleton. This is like a skeleton outside the body, which supports and protects the invertebrate. Insects, spiders and millipedes have a thin exoskeleton, and crabs and lobsters have a thick exoskeleton.  
Invertebrates are different in other ways, too. Spiders have eight legs, insects have six legs and millipedes have hundreds of legs! Like many vertebrates, invertebrates lay eggs.

1 Are there more vertebrates or invertebrates on Earth?  
2 Copy and complete the sentence.  
shell body exoskeleton  
Invertebrates can have a soft  a  or an .  
3 Say the invertebrates rap.  
4 Write a text about an invertebrate animal.

**DID YOU KNOW?**  
The illacme plimpepe millipede can have 700 legs!

Mỗi người một ngày thì ra từ một đến một lít nước tiểu.  
Thần làm nhiệm vụ gì?  
Thần làm nhiệm vụ lọc máu, lấy ra những chất thải tạo thành nước tiểu.  
Nước tiểu được chứa ở đâu và thoát ra ngoài bằng đường nào?  
Mỗi ngày chúng ta thải ra ngoài bao nhiêu lít nước tiểu?

Phần lớn thức ăn được biến thành chất bã đường. Chúng thông qua thành ruột non vào máu, đi nuôi cơ thể.  
Các chất bã được đưa xuống ruột già, biến thành phân, rồi được đưa ra ngoài.

- Lao là một bệnh truyền nhiễm do một loại vi khuẩn gây ra.  
- Ngày nay, đã có thuốc chữa khỏi bệnh lao và thuốc phòng lao.  
- Trẻ em được tiêm phòng lao có thể không bị mắc bệnh này trong suốt cuộc đời.

Hình 3. Thông tin ghi nhớ trong tài liệu MS 1, MS 2, MS 3

Điểm nổi bật khác của tài liệu MS 1, 2, 3 so với SGK TN&XH 1, 2, 3 nằm ở việc tài liệu MS chủ động sử dụng màu sắc khác và in đậm đối với một số từ trong phần thông tin ghi nhớ. Những từ này thường là những từ khó, từ mới đối với HS và giữ vai trò là từ khóa trong câu/đoạn thông tin ghi nhớ. HS có thể tìm hiểu nghĩa của những từ này thông qua việc trao đổi với GV hoặc tự mình tra cứu ở danh mục từ điển hình ảnh ở cuối sách. Cách làm này góp phần rèn luyện vốn từ khoa học, rèn kỹ năng đọc, viết và tạo điều kiện để HS tiếp cận tri thức bài học một cách độc lập.

Một điểm nhấn khác của tài liệu MS là phần thông tin ở mục “My science project” và “My science presentation”. Bên cạnh các câu lệnh hướng dẫn HS cách thực hiện dự án khoa học và cách trình bày các báo cáo khoa học, HS còn được cung cấp một bài viết theo hình thức một đoạn văn hoàn chỉnh. Đây là sản phẩm của HS và được viết tay. Có

thể nói, đây được xem như một bài báo cáo mẫu (model essay) để HS tham khảo và tự thực hiện bài báo cáo của mình.

Ngoài ra, bên cạnh câu hỏi, câu lệnh, thông tin ghi nhớ, tài liệu MS 1, 2, 3 còn cung cấp một dạng thức khác để HS tiếp cận: thông tin đánh giá. Đây là hình thức không có ở SGK TN&XH 1, 2, 3. Cuối mỗi bài học, HS có cơ hội tự đánh giá bản thân xem đã đạt được một số tiêu chí của bài học chưa thông qua các thông tin mà nhà biên soạn cung cấp. Những dòng thông tin này thường là những câu đơn, ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu. Cuối mỗi câu thường có 3 ngôi sao tương đương với các mức giỏi, khá, trung bình. Dựa vào kết quả tự đánh giá, HS sẽ tô màu vào 1, 2 hay 3 ngôi sao. Cách này vừa tạo điều kiện cho HS phát triển kỹ năng tự đánh giá vừa giúp các em hệ thống lại nội dung chính của bài học. Nhờ vậy, HS sẽ biết những điều trọng tâm mà bản thân cần nắm vững và rèn luyện thêm để phát triển.



Hình 4. Thông tin đánh giá trong tài liệu MS1, MS2 MS3

Tuy có nhiều khác biệt nhưng có thể thấy rằng, ngữ liệu thông tin dưới dạng văn bản trong SGK TN&XH 1, 2, 3 và tài liệu MS 1, 2, 3 đều đáp ứng tính vừa sức đối với HS khi số lượng chữ trong văn bản tăng dần theo từng khối lớp.

#### 4. Ngữ liệu văn chương - Điểm nhấn độc đáo của tài liệu MS 1, 2, 3

Quá trình xem xét cho thấy, ngữ liệu trong SGK TN&XH 1, 2, 3 thuần chất là ngữ liệu thông tin mang tính chất tóm tắt nội dung bài học, hoàn toàn không sử dụng ngữ liệu văn chương. Trong khi đó, ở tài liệu MS, ngữ liệu văn chương xuất hiện dưới hình thức kể chuyện theo tranh và những bài thơ ngắn, giúp HS dễ dàng hơn khi việc tiếp cận thông tin khoa học.

① **Thơ:** Trong tài liệu MS, thơ có ở cả lớp 1, 2, 3. Theo đó, ở mỗi bài học, HS đều được làm quen với một bài thơ. Đặc biệt, bài thơ này còn được phổ nhạc để HS hát. Những bài thơ mà tài liệu MS 1, 2, 3 sử dụng không quá cầu kỳ về mặt hình thức, thể loại. Với ngôn từ đơn giản, trong sáng, gắn liền với nội dung bài học, chúng thực sự là một phương tiện phù hợp giúp việc học của HS trở nên nhẹ nhàng, không bị gò ép trong những dòng văn bản thông tin khoa học thuần túy, khô khan. Điển hình như bài thơ “I have

five senses” trong bài 2, “My senses”, tài liệu MS1: “*With my eyes I can see.// I can see. I can see.// With my eyes I can see // I can see a rainbow. // With my ears I can hear // I can hear. I can hear. // With my ears I can hear // I can hear a bird. // With my tongue I can taste // I can taste. I can taste.// With my tongue I can taste // I can taste an apple. // With my nose I can smell // I can smell. I can smell. // With my nose I can smell // I can smell a flower. // With my hand I can touch // I can touch. I can touch. // With my hand I can touch // I can touch a cat. // I have five senses. // I can see. // I can smell. // I can hear. // I can taste and I can touch. // I have five senses.//”* Đọc bài thơ, ta dễ dàng nhận thấy nhịp điệu vui tươi và trong trẻo, hoàn toàn phù hợp cho HS lớp Một. Thêm vào đó, việc gắn vai trò của các giác quan đối với sự vật cụ thể (*eyes - see - rainbow (mắt - nhìn - cầu vồng)*, *ear - hear - bird (tai - nghe - chim)*, *tongue - taste - apple (lưỡi - nếm - táo)*, *nose - smell - flower (mũi - ngửi - hoa)*, *hand - touch - cat (tay - sờ - mèo)*) là một cách thức phù hợp với đặc điểm tư duy trực quan hình ảnh của HS lớp Một.

② **Truyện kể theo tranh** là hình thức có ở cả 3 lớp 1, 2, 3 trong tài liệu MS. Tuy vậy, ở lớp 1, lớp 2, do kĩ năng đọc của HS còn thấp nên tài liệu chỉ cung

cấp hình ảnh, không cung cấp phần lời thoại của nhân vật; HS tiếp cận câu chuyện thông qua việc nghe kể. Không giống như thế, ở lớp 3, do kỹ năng đọc của HS đã tương đối hoàn thiện, tài liệu cung cấp cả phần hình lẫn phần lời thoại để HS tự đọc câu chuyện. Thông qua truyện kể theo tranh có nhân vật và cốt truyện cụ thể, HS được dẫn dắt để tiếp cận với kiến thức liên quan đến bài học hoặc có cơ hội hệ thống bài học thông

qua một liên hệ thực tế. Ví dụ như câu chuyện “A special plant” (MS3, tr.62) là câu nổi để các em tiếp cận kiến thức về cây bắt mồi. Đặc biệt, những câu chuyện này còn là phương tiện để nhà biên soạn lồng ghép các bài học về kỹ năng sống cho HS. Ví dụ như câu chuyện “Animals in danger” (MS3, tr.48) là phương tiện giáo dục HS biết bảo vệ động vật và môi trường sống của động vật thông qua câu chuyện về loài chim Dodo (xem hình 5).



Hình 5. Truyện kể theo tranh trong tài liệu MS 1, 2, 3

Có thể nói, truyện kể theo tranh là một cách thức phù hợp với lý thuyết của Bowers. P (2000) trong việc tích hợp dạy học ngôn ngữ, dạy học văn chương với dạy học TN&XH. Những câu chuyện khá ngắn gọn nhưng rõ ràng cũng gieo vào HS năng lực tưởng tượng và năng lực suy đoán để nhận ra ý nghĩa câu chuyện. Nhìn chung, ngữ liệu văn chương trong MS đáp ứng tính mẫu mực, phù hợp với lứa tuổi và khả năng nhận thức của trẻ; lồng ghép phát triển kiến thức, kỹ năng khoa học với giáo dục đạo đức cho HS.

Lẽ dĩ nhiên, việc khai thác để các ngữ liệu văn chương này thực sự là nguồn ngữ liệu vừa phát triển năng lực khoa học, vừa rèn giữa sự sáng tạo, năng lực cảm thụ văn chương ở trẻ còn phụ thuộc rất nhiều vào nghệ thuật giảng dạy của mỗi GV.

### 5. Một vài bàn luận về ngữ liệu dạy học môn Tự nhiên & Xã hội

① Qua việc tìm hiểu, phân tích ngữ liệu trong SGK TN&XH 1, 2, 3 và trong tài liệu MS 1, 2, 3, có thể thấy rằng ngoài nhiệm vụ cung cấp kiến thức khoa học,



ngữ liệu còn là phương tiện tương tác để HS thực hiện các hoạt động học tập nhằm khám phá bài học. Nó cũng là chất liệu rèn kỹ năng đọc, bổ sung vốn từ và phát triển khả năng học tập độc lập ở HS. Bên cạnh đó, về mặt ngữ liệu, tuy hai tài liệu có sự tương đồng nhất định nhưng những điểm khác biệt cũng rất đáng quan tâm:

- SGK TN&XH chỉ sử dụng ngữ liệu thông tin cho toàn bộ các lớp 1, 2, 3, bỏ qua mảng ngữ liệu văn chương. Trong khi đó, tài liệu MS 1, 2, 3 chủ động cân đối sử dụng cả hai dạng ngữ liệu cho tất cả các lớp 1, 2, 3. Qua đó, HS vừa được tiếp cận thông tin khoa học, vừa phát triển ngôn ngữ và trí tưởng tượng một cách tự nhiên.

- Đối với ngữ liệu thông tin, trong khi SGK TN&XH chỉ sử dụng mục lục, bảng biểu và văn bản thì tài liệu MS lại chủ động cho các em tiếp xúc với nhiều hình thức hơn: mục lục, danh mục chú giải hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu, văn bản. Việc này giúp HS có cơ hội tương tác với nhiều hình thức ngữ liệu khác nhau; từ đó, có điều kiện để phát triển các kỹ năng đa dạng: kỹ năng đọc hiểu; kỹ năng phân tích, tổng hợp; kỹ năng hệ thống hóa thông tin, kỹ năng tự đánh giá... Việc quá ít hình thức ngữ liệu thông tin trong SGK TN&XH khiến quá trình tự học của HS gặp khá nhiều khó khăn; các hoạt động tự học tập, tự làm việc của các em với SGK bị giới hạn vì HS không có tư liệu để tự

học tập độc lập.

② Trong khuôn khổ của bài viết, dựa trên cơ sở những vấn đề đã tìm hiểu, việc biên soạn, xây dựng ngữ liệu trong dạy học TN&XH cần chú ý một số điểm sau:

- Đa dạng ngữ liệu nhằm tạo cơ hội cho HS tiếp cận thông tin theo các hình thức khác nhau, góp phần phát triển ở HS các kỹ năng đa dạng.

- Chú ý sử dụng ngữ liệu văn chương để phát triển năng lực cảm thụ văn chương cho HS; đáp ứng xu hướng dạy học tích hợp Văn và TN&XH. Đây cũng là cách làm “mềm hóa” thông tin, giúp HS tiếp cận kiến thức khoa học nhẹ nhàng hơn.

- Chú ý đến tính vừa sức khi biên soạn ngữ liệu nhằm đảm bảo việc tiếp cận ngữ liệu phù hợp với trình độ nhận thức, tâm sinh lý của HS. Điều này thể hiện ở việc lựa chọn cách trình bày, từ ngữ, dung lượng, độ phức tạp về ý nghĩa của ngữ liệu...

Như vậy, với những bàn luận trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi hy vọng việc biên soạn, xây dựng ngữ liệu sẽ thực sự được quan tâm, chăm chút hơn để việc tiếp cận ngữ liệu, tìm hiểu SGK TN&XH nói riêng và SGK các môn học khác nói chung trở nên hấp dẫn, hứng thú với HS, đem các em đến gần hơn với tình yêu sách và sự ham thích khám phá tri thức, kỹ năng của môn học.

<sup>1</sup> Macmillan Natural and Social Science là một trong những bộ tài liệu dạy học môn “Science” (Khoa học) ở Mỹ. Tại Mỹ cũng như nhiều quốc gia khác, không có tài liệu gọi là “Sách giáo khoa” dùng chung cho cả nước như ở Việt Nam. Tùy theo đặc điểm của từng bang, từng trường mà GV có thể lựa chọn tài liệu dạy học phù hợp trên cơ sở đảm bảo nội dung chương trình và những tiêu chuẩn cụ thể mà nhà nước và bang/vùng miền đó quy định.

<sup>2</sup> Trong khuôn khổ của bài báo, chúng tôi chỉ xem xét phân tích ngữ liệu của 3 lớp ở giai đoạn 1 của cấp Tiểu học (lớp 1, 2, 3) vì đây là giai đoạn đặt nền móng cho việc phát triển các kỹ năng khoa học cơ bản, kỹ năng ngôn ngữ... để trẻ có thể tiếp tục học tập các môn khoa học về tự nhiên, xã hội và các môn học khác ở tiểu học cũng như ở các bậc học cao hơn.

<sup>3</sup> Một sơ đồ: các bài “Animals”, “Landscapes”, “The top layer of Earth”, “Work”, “Where we live”; hai sơ đồ: các bài “The senses”, “Transport and communication”; ba sơ đồ: các bài “Living things”, “Plants”, “Habitats”, “Water and air on Earth”

<sup>4</sup> Trong tài liệu MS1, MS2, mỗi bài học bao gồm nhiều nội dung, mỗi nội dung thường được trình bày trên một trang đơn để HS dễ theo dõi.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Tự nhiên và Xã hội 1, 2, 3*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
2. David, Penny Glover (2011), *Macmillan Natural and Social Science 3*, Macmillan Education, Macmillan Publisher.
3. Denise Alterio, Judy Carr, and Lynn Miller (2012), *Text Genre Brace Maps*, Sullivan County BOCES, scbooces.org.
4. Joanne Ramsden (2010), *Macmillan Natural and Social Science 3*, Macmillan Education, Macmillan Publisher.
5. Göpferich, S. (2006), ‘Text, Textsorte, Texttyp.’ In: Snell-Hornby, M. et al. *Handbuch Translation*. 2 nd ed. Tübingen: Stauffenburg Verlag. 61-64.
6. Irene-Anna N. Diakidoy, Panayiota Kendeou, Christos Ioannides (2003), “The Effects of Text Structure in Science Learning and Conceptual Change”, *Reading About Energy*, *Contemporary Educational Psychology*.
7. Robb, L. (2002), “Multiple Texts: Multiple Opportunities for Teaching and Learning”, *Voices from the Middle 9(4)*, National Council of Teachers of English.
8. Sarah L. Ulerick (2015), *Using Textbooks for Meaningful Learning in Science*, *Research Matters - to the Science Teacher*, National Association for Research in Science Teaching.
9. Suzanne E. Wade, Elizabeth Birr Moje (2000), *The Role of Text in Classroom Learning: Beginning an Online Dialogue*, *Handbook of Reading Research: Volume III*, Lawrence Erlbaum Associates, Inc., Publishers.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 15-3-2015; ngày phản biện đánh giá: 12-5-2015;  
ngày chấp nhận đăng: 05-6-2015)